

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày: 25-11-2024
“tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Ông Lữ Minh Luân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Như Ý - Sinh năm 2004 - Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (văn bản ủy quyền ngày 21-10-2024) (có mặt)

Bị đơn: Bà Lâm Thị L - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12-6-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Kim T do bà Lê Thị Như Ý đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu:

Ngày 27-02-2024, bà Nguyễn Kim T và bà Lâm Thị L ký hợp đồng mua bán lúa nếp, hai bên thỏa thuận, cụ thể: giống lúa bán là nếp 4625, số lượng 500 tấn, giá 7.500 đồng/kg. Bà L hẹn ngày 27-4-2024 sẽ giao lúa nếp. Bà T đặt cọc cho bà L số tiền 200.000.000 đồng.

Đến ngày 09-4-2024, bà L gọi điện thoại cho bà T bán thêm 50 tấn lúa nếp với giá 7.850 đồng/kg, yêu cầu bà T chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng và chạy ghe lên nhận lúa nếp liền. Nhưng khi ghe lên đợi 07 ngày thì chỉ nhận được 4.619 kg lúa nếp x 7.850 đồng/kg = 36.259.150 đồng.

Sau đó, bà T lên nhà bà L nhận lúa nếp thì không có.

Bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà Lâm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền đặt cọc còn nợ là 313.740.850 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Kim T khởi kiện “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Lâm Thị L, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà L được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bà, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T buộc bà Lâm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 313.740.850 đồng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Bởi vì: Căn cứ “Hợp đồng mua bán các loại lúa - nếp - tươi” ngày 27-02-2024 bà Nguyễn Kim T (người mua) ký với bà Lâm Thị L (người bán) thì hai bên thỏa thuận cụ thể: giống lúa nếp 4625, số tấn 500 tấn, giá 7.500đ/kg, ngày cắt 105 ngày. Bà T đặt cọc cho bà L số tiền 200.000.000 đồng và nội dung bản ghi âm được bà Lê Thị Như Ý giao nộp cho Tòa án ngày 25-10-2024, bà Lâm Thị L thừa nhận đã nhận số tiền cọc từ bà T hai lần tổng cộng 350.000.000 đồng và chỉ giao cho bà L hơn 04 tấn nếp. Bà L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án tiến hành lấy lời khai thì bà L vắng mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, căn cứ vào yêu cầu của bà T cho rằng bà T đặt cọc cho bà L 350.000.000 đồng, nhận lại 4.619 kg lúa nếp x 7.850 đồng/kg = 36.259.150 đồng. Bà L còn nợ lại bà T 313.740.850 đồng nên có nghĩa vụ trả lại cho bà T 313.740.850 đồng.

[4] Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ chịu 700.000 đồng, đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

[5] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[5.1] Bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 313.740.850 đồng nên có nghĩa vụ chịu 15.687.042,5 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Bà T không phải chịu tiền án phí. Bà T thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T đối với bà Lâm Thị L về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Lâm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim T số tiền 313.740.850 đồng (ba trăm mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng, tám trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (của người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ chịu 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

3. Về án phí:

Bà Lâm Thị L có nghĩa vụ chịu 15.687.042,5 đồng (mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi hai phẩy năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25-11-2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái